



CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM  
VIETNAM REGISTER

GIẤY CHỨNG NHẬN CÔNG NHẬN QUY TRÌNH CHẾ TẠO  
 CERTIFICATE OF WORKS APPROVAL

Số: 02468/24SG01.WA

No

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN  
 VIETNAM REGISTER CERTIFICATE THAT

Cơ sở chế tạo/Manufacturer:

**DURAMAX MARINE LLC**

Địa chỉ: 17990 Great Lakes Parkway, Hiram, Ohio 44234, USA  
 Address:

Đã được đánh giá và công nhận để sản xuất (các) sản phẩm sau đây phù hợp với QCVN 64: 2015/BGTVT “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về kiểm tra sản phẩm công nghiệp dùng cho tàu biển” (sau đây gọi là “Quy chuẩn”).

*Has been assessed and approved to manufacture the following product(s) in compliance with QCVN 64: 2015/BGTVT “National Technical Regulation for inspection of sea-going Ship’s products” (hereinafter refer to as “the Regulation”).*

**Sản phẩm công nghiệp được công nhận/Product Approved:**

**Vật liệu bạc/Marine Bearing Material: Johnson Cutless Bearings**

Giấy chứng nhận có hiệu lực đến ngày: 19/08/2029  
*This Certificate is valid until:*

với điều kiện phải được xác nhận chu kỳ phù hợp với Quy chuẩn.  
*Subject to periodical endorsement in accordance with Regulation.*

Ngày ấn định đánh giá chu kỳ: 19/02/2027  
*Periodical assessment date:*

Cấp tại: Tp. Hồ Chí Minh Ngày: 19/08/2024  
*Issued at Date*

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM  
 VIETNAM REGISTER



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
*Lê Hồng Tâm*

**Phạm vi áp dụng/Application:**

Lắp đặt trên các tàu và giàn khoan/ Ship and Offshore Installations

**Tiêu chuẩn công nhận/Approval Standard:**

1. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Phân cấp và đóng mới tàu biển vỏ thép - QCVN21: 2015/BGTVT /National Technical Regulation on the Classification and Construction of Sea-going Steel Ships.
2. Tiêu chuẩn nhà chế tạo/ Manufacturer Standards.

**Bản vẽ và tính toán thiết kế được thẩm định/Approved and Drawings and Design Calculations:****Thử/Test carried out:****Vật liệu bạc/ Marine Bearing Material: Johnson Cutless bearings**

Số báo cáo/Report No: 190601  
 Ngày cấp/Date: 05/08/2024  
 Nơi kiểm tra/Test address: 179990 Great Lakes Parway ,Hiram, Ohio 44234, USA  
 Đơn vị cấp/Issued: Duramax Marine LLC

**Đặc tính của sản phẩm/Product description:****Vật liệu bạc/ Marine Bearing Material: Johnson Cutless bearings**

Kiểu/ Type	Johnson Cutless bearings. Brass Sleeve Type, Non-Metallic Sleeve Type and Brass Flanged Type Rubber Bearings, Water Lubricated.
Công dụng/ Application	Marine Applications - Support of Propeller and Propeller Shaft, to be fitted in Vessel's Strut and Stern Tube. Cylindrical Bearings, with cylindrical shaped metal backing and internally molded rubber - Fully Molded Type Rubber - lined Naval Brass Sleeve/Non-Metallic Sleeve/ Naval Brass Flanged, Bearing Components, Bonded Synthetic Rubber.
Kích thước/ Dimension	Brass Sleeve Type, Shaft sizes ¾" to 16"; Solid Brass Flanged Type for Strut or Aft Stern Tube, Shaft sizes 2" to 25"; Split Brass Flanged Type for Strut or Aft Stern Tube, Shaft sizes 2" to 25"; Solid Brass Flanged Type for Forward Stern Tube, Shaft sizes 2" to 25"; Split Brass Flanged Type for Forward Stern Tube, Shaft sizes 2" to 25"; Non-Metallic Sleeve Type for Shaft sizes ¾" to 16"; Metric Brass Sleeve Type for Shaft sizes 19 mm to 406 mm; Metric Non-Metallic Type for Shaft sizes 19 mm to 406 mm.
Kiểu bôi trơn/ Lubricant	Water Lubricated Bearings.
Lắp đặt/ Installation	Bearings are to be installed in accordance with the manufacturer's recommendations. The length of bearing, next to and supporting the propeller, is to be not less than four times the required tail-shaft diameter as per 6.2.10, Part 3 of the QCVN 21: 2015/BGTVT

**Đánh dấu trên sản phẩm/Marking of product:**

- Manufacturer's name.
- Place of production
- Type of products.
- Bearing main dimension
- Serial number.

**Các điều kiện khác/Other conditions:**

1/ Sau khi sản phẩm được công nhận, nếu có bất kỳ thay đổi với thiết kế, vật liệu hoặc phương pháp sản xuất và các chi tiết quan trọng và những thay đổi đó ảnh hưởng đến các đặc tính và thành phần chính của sản phẩm, hoặc các thông số hoạt động của sản phẩm bị thay đổi và vượt quá phạm vi được công nhận, Đăng kiểm Việt Nam sẽ đánh giá và thẩm định lại các bản vẽ và hồ sơ có liên quan. Nếu thấy cần thiết Đăng kiểm Việt Nam sẽ chứng kiến các loại thử liên quan và thực hiện việc kiểm tra để phù hợp với các điều kiện được công nhận.

After product Approval, if there are changes to the design, material used for manufacturing method of the product and important components and such changes affect major characteristic and properties of the products, or performance index of the product are changed and exceeded the scope of approval, relevant drawings and documents are to be reviewed and approved by the Society, Where deemed necessary by the Society, the surveyor to the Society will witness relevant test and conduct inspection and the result should be able to demonstrate compliance with the approval condition.

2/ Đăng kiểm viên của Cục Đăng kiểm Việt Nam sẽ thực hiện kiểm tra các sản phẩm đơn chiếc/ lô theo phạm vi kiểm tra được công nhận và Quy chuẩn. Giấy chứng nhận sản phẩm sẽ được Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp sau khi kiểm tra thoả mãn

After product approval, unit/batch inspections shall be carried out by the Surveyor of the Society in accordance with the approved product inspection scheme and regulations. The Product Certificate will be issued by the Society upon satisfactory inspection.

- End of Text -

**XÁC NHẬN CHU KỲ**  
**PERIODICAL ENDORSEMENT**

Căn cứ vào kết quả đánh giá chu kỳ, xác nhận tình trạng của cơ sở chế tạo được duy trì phù hợp với Quy chuẩn.

Based on the periodical assessment, the condition of the manufacturer is maintained in compliance with the Regulation.

Ngày:

Date

**CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**  
**VIETNAM REGISTER**

**GHI CHÚ – REMARKS:**

Giấy chứng nhận này mất hiệu lực khi:

The approval may be cancelled in cases:

- Chất lượng của (các) sản phẩm do cơ sở chế tạo không đúng theo quy định.  
The quality of the product(s) is in doubt.
- Đăng kiểm viên nhận thấy có những thiếu sót trong hệ thống hoạt động của cơ sở.  
The surveyor has found major deficiencies in the operating system of the Manufacturer.
- Cơ sở không thông báo những thay đổi lớn trong hệ thống hoạt động của cơ sở tới VR.  
The manufacturer fails to inform of any alteration in the system to Vietnam Register.
- Cơ sở không thực hiện các đánh giá theo quy định.  
In case the required assessment is not carried out.